TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 22-7- 2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thu Trang .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 20/2022/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cái Bạch Đ, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp B, xã Na, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Cái Bạch Đ trình bày:

Vào ngày 30 tháng 5 âm lịch năm 2020 ông K có đến hỏi vay của ông Đ

10.000.000 đồng mục đích về để sửa chữa chiếc xiệp bị hư hỏng. Khi vay tiền các bên có làm giấy biên nhận nợ với nhau và thỏa thuận trả góp trong thời gian 90 ngày bằng số tiền 15.200.000 đồng. Sau đó ông K không thực hiện trả được nợ như thỏa thuận nên có đến xin bớt tiền lãi và xin trả nợ chung (gồm cả gốc và lãi) là 11.000.000 đồng được ông Đ đồng ý nên vào ngày 06/02/2021 ông Khá viết cam kết trả nợ cụ thể xin trả làm ba lần trong thời gian 03 tháng nhưng sau đó không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án ông K đã trả được 2.000.000 đồng nên tại phiên tòa ông Đ yêu cầu ông K trả 9.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ông Bùi Văn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Biên nhận nợ, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Ông Đxác định ông K còn nợ 9.000.000 đồng và yêu cầu ông Ktrả số nợ 9.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K trả cho ông Đ 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông K.

Trong đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu ông K trả nợ 11.000.000 đồng tại phiên tòa ông Đ yêu cầu ông K trả 9.000.000 đồng, nhận thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội yêu cầu kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ khởi kiện yêu cầu ông K trả số nợ 11.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông K không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện ông Đ cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ thể hiện vào ngày 30 tháng 5 âm lịch năm 2020 ông Kcó vay của ông Đ 10.000.000 đồng, các bên thỏa

thuận trả góp 90 ngày bằng số tiền 15.200.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 06/02/2021 các bên cùng thỏa thuận ông Đ bớt cho ông K số tiền lãi là 4.200.000 đồng và số tiền ông K còn phải trả là 11.000.000 đồng bao gồm 10.000.000 nợ gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi và trả làm 03 lần cụ thể vào ngày 24/02/2021 trả 4.000.000 đồng, ngày 19/3/2021 trả 4.000.000 đồng và ngày 04/4/2021 trả 3.000.000 đồng là hết nợ nhưng ông K vẫn không trả nợ. Việc ông K không thực hiện trả nợ như thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Khá trả nợ là có căn cứ.

Quá trình ông Đ khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền 11.000.000 đồng bao gồm 10.000.000 đồng tiền vốn và 1.000.000 đồng lãi, nhận thấy trong thời gian từ 30/5/2020 đến nay số tiền lãi mà ông Đ yêu cầu ông K phải trả là 1.000.000 đồng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên việc ông Đ yêu cầu ông K trả số tiền 11.000.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Đ xác định sau khi khởi kiện ông K đã trả được 2.000.000 đồng và hiện còn nợ 9.000.000 đồng căn cứ vào Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc ông K tiếp tục phải trả cho ông Đ số tiền 9.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ông Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông K phải nộp là: 9.000.000 x 5% = 450.000 đồng.

Ông Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cái Bạch Đ.

Buộc ông Bùi Văn K phải trả cho ông Cái Bạch Đ số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông Cái Bạch Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí vụ kiện: Ông Trần Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Cái Bạch Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004532 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/7/2022, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cá c Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

Đinh Thị Thơm